

PHỤ LỤC I
MỤC TIÊU CỤ THỂ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN 06
GIẢI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	ĐƠN VỊ TÍNH	MỤC TIÊU		ĐƠN VỊ THEO DÕI
			Năm 2026	Năm 2030	
I	Phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và đổi mới sáng tạo chỉ đạo, điều hành				
1.	Tỷ lệ dịch vụ công, thủ tục hành chính (TTHC) hoàn thành việc ban hành danh mục các trường thông tin cần cung cấp tương ứng với Hệ thống từ điển dữ liệu dùng chung để cắt giảm tự động khi đảm bảo dữ liệu	%	50	80	Sở Tư pháp
2.	Tỷ lệ dịch vụ công, TTHC được cắt giảm thành phần hồ sơ, giấy tờ khi thành phần hồ sơ, giấy tờ đã được tích hợp trên VNeID hoặc khi đáp ứng toàn trình về dữ liệu	%	50	80	Sở Tư pháp, Công an tỉnh
3.	Tỷ lệ dịch vụ công, TTHC được thông báo trạng thái, kết quả xử lý hồ sơ và đồng bộ kết quả trên VNeID	%	50	100	Công an tỉnh, Sở Tư pháp
4.	Tỷ lệ cá nhân, doanh nghiệp có tài khoản định danh điện tử được cung cấp phương thức để nhận thông báo từ Cơ quan nhà nước và phản ánh kiến nghị với cơ quan nhà nước qua VNeID	%	100		Công an tỉnh
5.	Tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến trên tổng số hồ sơ dịch vụ công	%	80	90	Sở Tư pháp
6.	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về dịch vụ công	%	95		Công an tỉnh
7.	Tích hợp hệ thống Trung tâm điều hành thông minh với hệ thống Trung tâm dữ liệu dân cư phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành	%	100		Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh
8.	Tỷ lệ phổ cập địa chỉ số, định danh địa điểm đối với nhà ở và trụ sở cơ quan tổ chức	%		100	Công an tỉnh

9.	Tỷ lệ các thủ tục hành chính, dịch vụ công được nộp hồ sơ “phi địa giới”	%	100		Văn phòng UBND tỉnh
II	Thúc đẩy phát triển kinh tế số - xã hội số				
1.	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong thực hiện dịch vụ công	%	60	80	Văn phòng UBND tỉnh
2.	Tỷ lệ doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên các sàn thương mại điện tử được định danh điện tử và kết nối thông tin kinh doanh với cơ quan thuế để đảm bảo kê khai - nộp thuế minh bạch	%	100		Sở Tài chính, Thuế tỉnh, Sở Công Thương, Công an tỉnh
3.	Tỷ lệ khách hàng có thể định danh, xác thực bằng thẻ Căn cước và tài khoản VNeID khi sử dụng dịch vụ tài chính	%	50	100	Sở Tài chính, Công an tỉnh
4.	Tỷ lệ bệnh viện, trường học triển khai thanh toán không dùng tiền mặt; sử dụng thẻ căn cước thay thẻ BHYT, thẻ sinh viên	%	50	80	Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Công an tỉnh
5.	Tỷ lệ giao dịch thương mại điện tử và vận chuyển sử dụng dữ liệu địa điểm	%	80	100	Sở Công Thương, Công an tỉnh
6.	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khai thác	%	60	95	Ngân hàng Nhà nước Khu vực XV
7.	Tỷ lệ giao dịch thương mại điện tử sử dụng thanh toán điện tử	%	80	90	Sở Công Thương, Ngân hàng Nhà nước Khu vực XV
8.	Tỷ lệ các ngành kinh tế, lĩnh vực chuyển đổi số có ứng dụng dân cư, căn cước, định danh	%		80	Công an tỉnh
9.	Mở rộng mô hình sử dụng thẻ căn cước thay thẻ ngân hàng trên toàn quốc	%		100	Ngân hàng Nhà nước Khu vực XV
10.	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử liên thông, dùng thống nhất trong khám chữa bệnh	%		100	Sở Y tế
11.	Bảo đảm kết nối, chia sẻ, liên thông đồng bộ giữa các hệ thống: Hồ sơ sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử, đơn				Sở Y tế

	thuốc điện tử và bảo hiểm y tế				
12.	Mỗi người dân sẽ có một sổ sức khỏe điện tử cá nhân được theo dõi suốt vòng đời				Sở Y tế
III	Phục vụ phát triển công dân số				
1.	Đảm bảo mỗi công dân được cấp căn cước, có một danh tính điện tử duy nhất, an toàn và được pháp luật bảo vệ	%	100		Công an tỉnh
2.	Đảm bảo quyền của công dân trong việc kiểm soát, quản lý thông tin cá nhân và lịch sử hoạt động số trên nền tảng VNeID	%	100		Công an tỉnh
3.	Tỷ lệ người dân Việt Nam được cấp căn cước có tài khoản định danh điện tử mức độ 2	%	Thực hiện theo chỉ tiêu Bộ Công an		Công an tỉnh
4.	Cấp tài khoản định danh điện tử cho người nước ngoài	Tài khoản	Thực hiện theo chỉ tiêu Bộ Công an		Công an tỉnh
5.	Số lượng tài khoản VNeID hoạt động thường xuyên	%	Thực hiện theo chỉ tiêu Bộ Công an		Công an tỉnh
6.	Tỷ lệ cán bộ cơ quan nhà nước được tập huấn kỹ năng số cơ bản	%	100		Sở Nội vụ
7.	Tỷ lệ các sở, ngành, địa phương cung cấp học liệu và tổ chức khóa học trên nền tảng bình dân học vụ số.	%	100		Công an tỉnh
8.	Hoàn thành phổ cập kỹ năng số cơ bản cho lực lượng lao động	%	Thực hiện theo chỉ tiêu Bộ Nội vụ		Sở Nội vụ
9.	Các chương trình phổ cập kỹ năng số, an toàn trong không gian mạng được đưa vào các trường học	%	100		Sở Giáo dục và Đào tạo
10.	Tích hợp tài khoản an sinh xã hội trên VNeID	Triệu tài khoản	Thực hiện theo chỉ tiêu Bộ Công an giao		Công an tỉnh
IV	Mở rộng hạ tầng, hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ tạo lập, kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu				
1.	Tỷ lệ địa phương hoàn thành việc ban hành danh mục trường thông tin dữ liệu gốc, dữ liệu chủ, dữ liệu tham chiếu, trong đó đảm bảo cập nhật, đồng bộ danh mục lên hệ thống từ điển dữ liệu dùng chung; xác định cụ thể các trường thông tin tham chiếu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; danh tính điện tử của tổ chức,	%	100		Công an tỉnh

	người nước ngoài				
2.	Số hóa tạo lập dùng chung cho các Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành được tạo lập qua hệ thống số hóa dùng chung, không yêu cầu công dân kê khai giấy	%	Thực hiện theo hướng dẫn và chỉ tiêu của Bộ Công an giao		Công an tỉnh
3.	Tỷ lệ cá nhân, tổ chức doanh nghiệp được chủ động cung cấp thông tin của mình trên VNeID	%	100		Công an tỉnh
4.	Tỷ lệ giao dịch điện tử được chứng nhận, xác nhận dữ liệu giao dịch giữa các cá nhân, tổ chức doanh nghiệp trên nền tảng VNeID	%	Thực hiện theo hướng dẫn và chỉ tiêu của Bộ Công an giao		Công an tỉnh
5.	Tỷ lệ thủ tục hành chính có kết quả giải quyết được tích hợp, đồng bộ về VNeID phục vụ cắt giảm thủ tục hành chính	%		100	Công an tỉnh
6.	Đảm bảo hạ tầng để cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức khác được xác nhận tích hợp giấy tờ trên VNeID	%		100	Công an tỉnh
7.	Tỷ lệ dữ liệu được tích hợp, đồng bộ trên nền tảng dữ liệu dân cư, định danh điện tử được phân tích tổng hợp làm giàu dữ liệu dựa trên trí tuệ nhân tạo (AI)	%		100	Công an tỉnh
8.	Đảm bảo hạ tầng tại Trung tâm dữ liệu tỉnh và hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hoạt động	hạ tầng		đảm bảo	Công an tỉnh
9.	Đảm bảo hạ tầng phục vụ phát triển công dân số	hạ tầng		đảm bảo	Sở Khoa học và Công nghệ
10.	Tỷ lệ dân số được phủ sóng mạng di động 5G	%		99	Sở Khoa học và Công nghệ
V	Đảm bảo an sinh xã hội và phục vụ phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội				
1.	Tỷ lệ công dân có tài khoản hưởng an sinh xã hội	%	Thực hiện theo chỉ tiêu Bộ Công an		Công an tỉnh
2.	Tỷ lệ người hưởng trợ cấp, lương hưu nhận qua tài khoản an sinh xã hội	%	Thực hiện theo chỉ tiêu của Bảo hiểm xã hội Việt Nam		Bảo hiểm xã hội
3.	Hoàn thành hệ thống tích hợp phục	hệ	1		Sở Nội vụ,

	vụ chi trả an sinh xã hội.	thống			Sở Y tế và Bảo hiểm xã hội
4.	Phối hợp nâng cấp hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư phục vụ phòng chống tội phạm	hệ thống	1		Công an tỉnh
5.	Tỷ lệ tội phạm sử dụng giấy tờ giả, danh tính giả giảm	%	Thực hiện theo hướng dẫn và chỉ tiêu của Bộ Công an giao		Công an tỉnh
6.	Tỷ lệ thông tin đối tượng vi phạm pháp luật có thể tra cứu qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	%	Thực hiện theo hướng dẫn và chỉ tiêu của Bộ Công an giao		Công an tỉnh
7.	Nghiên cứu triển khai hệ thống camera phục vụ mô hình đô thị thông minh tại các phường, đặc khu	Pường, đặc khu	01 phường và 01 đặc khu	102	Pường, đặc khu
8.	Phối hợp triển khai kết nối, tích hợp cơ sở dữ liệu có liên quan phục vụ chi trả an sinh xã hội	%		100	Sở Nội vụ, Sở Y tế và Bảo hiểm xã hội
9.	An ninh trật tự trị an được bảo đảm, tội phạm lừa đảo giảm so với năm 2025	%	Thực hiện theo hướng dẫn và chỉ tiêu của Bộ Công an giao		Công an tỉnh
VI	Phục vụ nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo				
1.	Hoàn thành bộ dữ liệu mẫu, bộ dữ liệu mở được ấn định danh về dân cư, căn cước, định danh, các thông tin tích hợp trên VNeID phục vụ nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo	Bộ dữ liệu	1		Công an tỉnh
2.	Tỷ lệ đề tài nghiên cứu khoa học và ứng dụng được các cá nhân, tổ chức triển khai trên nền tảng dữ liệu dân cư, căn cước định danh điện tử và được ứng dụng hiệu quả trong thực tế	%	Thực hiện theo hướng dẫn và chỉ tiêu của Bộ Công an		Công an tỉnh phối hợp thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Công an
3.	Tỷ lệ sở, ngành đăng ký, phê duyệt danh mục các nền tảng số tích hợp trên ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước, định danh điện tử và công bố rộng rãi để đặt đề bài cho các doanh nghiệp, nhà khoa học, nhà trường tham gia nghiên cứu triển khai	%	100		Công an tỉnh phối hợp thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Công an
4.	Tỷ lệ nhà trường đăng ký triển khai các giải pháp công nghệ mới gửi về các bộ, ngành được phê duyệt triển	%	≥ 50	100	Sở Tài chính, Sở Giáo dục và

	khai, cấp kinh phí đầu tư mạo hiểm, chấp nhận rủi ro				Đào tạo
5.	Tỷ lệ sở, ngành, UBND cấp xã phát động các cuộc thi, nghiên cứu về ứng dụng dữ liệu với cuộc sống	%	50		Công an tỉnh
6.	Hình thành bộ phận nghiên cứu về Trí tuệ nhân tạo (Lab-AI) trên nền tảng dữ liệu dân cư, căn cước định danh điện tử	Phòng	1		Công an tỉnh phối hợp thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Công an